

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĂN LÃNG  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/HS-ST  
Ngày 17-8-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Triệu Thị Máy.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Công Tâm;

Bà Chu Thị Bời

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà:*** Ông Nông Văn Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2022/TLST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Hà Văn P; tên gọi khác: Không, sinh ngày 03 tháng 02 năm 1976, tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn T và bà Hoàng Thị H; có vợ: Trương Thị P, sinh năm 1976; có 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 1999; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, xử lý vi phạm hành chính. Bị cáo áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/01/2022 đến nay, hiện tại ngoại. Có mặt.

***- Nguyên đơn dân sự:*** Ủy ban nhân dân huyện Văn Lãng. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Mạnh K - Phó Trưởng phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Văn Lãng (theo văn bản ủy quyền lập ngày 16/8/2022). Có mặt.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

1. Ông Nông Văn C, sinh năm 1977; trú tại: Thôn C, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

2. Anh Nông Văn Đ, sinh năm 1998; trú tại: Thôn V, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

*Người làm chứng:*

1. Anh Nông Văn H, sinh năm 1987. Vắng mặt;

2. Anh Mông Văn H, sinh năm 1989. Vắng mặt.

- *Người chứng kiến:* Anh Hứa Văn T, sinh năm 1994. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2018 Hà Văn P mua lại thửa đất rừng số 4\*, của ông Hoàng Văn T và mua thửa đất số 6\* mua với ông Hoàng Văn C thuộc tờ bản đồ số 0\* bản đồ đất lâm nghiệp xã B năm 2009. Sau khi mua 02 thửa đất này, Hà Văn P đã được cấp giấy chứng nhận sử dụng đất.

Khoảng tháng 5/2021 Hà Văn P biết có Nghị quyết 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn về chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh. Trong đó, có chương trình hỗ trợ vay vốn để trồng và phát triển rừng, nên P có ý định thực hiện trồng mới lại các thửa đất rừng đang được giao quyền sử dụng. P đến Ủy ban nhân dân xã B để hỏi về việc lập hồ sơ vay vốn, thực hiện trồng rừng và được hướng dẫn lên Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Văn Lãng, để được hướng dẫn làm các thủ tục, hồ sơ vay vốn, được cán bộ Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện giải thích về các điều kiện và thủ tục để lập hồ sơ vay vốn trồng rừng. Do P không hiểu biết về các thủ tục theo quy định, nên đã đề nghị anh T chuyên viên Phòng nông nghiệp giúp lập hồ sơ dự án xin vay vốn hộ. Ngày 13/10/2021 P đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã B gặp và nhờ anh Hứa Văn T - cán bộ Kiểm lâm địa bàn để kiểm tra giúp các thửa đất rừng số 4\*, 6\*, 2\*\*, 2\*\* và 3\*\* thuộc loại rừng gì? Thửa rừng đó có thể được lập hồ sơ vay vốn để trồng mới rừng không? P thấy anh T mang theo bản đồ về rừng đi cùng để xem xét, anh T cho biết: “Những thửa rừng này là rừng sản xuất là rừng tự nhiên, không được chặt cây tự nhiên, nhưng được phát thực bì ở những khoảnh đất đồi trọc và cây bụi để lập dự án trồng mới rừng”. Đến đầu tháng 11/2021 trong khi đang đợi lập hồ sơ dự án, P đã nảy sinh ý định cắt hạ cây và bụi cây trên thửa rừng số 4\* và 6\* để dọn thực bì, với mục đích nếu được xét vay vốn thì P sẽ thực hiện trồng cây Keo để phát triển kinh tế. P đã làm hợp đồng thuê 05 người gồm: Lý Văn N; Nông Văn C; Nông Văn Đ; Nông Văn H và Mông Văn H, để cắt dọn thửa rừng số 4\* và 6\* có làm hợp đồng chặt, phát dọn cây với anh Nông Văn C với tiền công là 9.500.000 đồng/1ha. Sau khi ký hợp đồng, những người này đã tự mang dụng cụ là: 02 máy cưa và dao quắm cắt dọn cây và bụi cây ở 2/3 diện tích thửa rừng số 4\* và để lại một khoảnh đất

rừng có nhiều cây tự nhiên to. Đến khi thửa số 6\* dọn cắt được 3/5 diện tích rừng, thì P phát hiện thấy những người được thuê có biểu hiện sử dụng chất ma túy, nên đã không tiếp tục thuê họ dọn cắt cây nữa, P giữ lại của những người đã thuê chặt cây 01 máy cưa, lý do P trả hết tiền công theo thỏa thuận, những người này chưa làm hết việc theo hợp đồng. Sau đó P đã nhờ Hà Thị V, Vi Thị N, Hoàng Thị S, Hứa Thị X, Hoàng Thị P, Lý Thị Đ, cùng thôn tiếp tục phát dọn thửa rừng số 6\*, P sử dụng máy cưa đang giữ của những người thuê dọn rừng cắt các cây gỗ tự nhiên, những người khác dùng dao để chặt các cây bụi khoảng 03 ngày thì cắt dọn hết 2/5 diện tích còn lại. Đến ngày 03/12/2021 cán bộ của Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Phòng tài chính, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, Hạt kiểm lâm huyện Văn Lãng cùng với đại diện Ủy ban nhân dân xã B đến để kiểm tra các thửa rừng của P để thực hiện dự án, khi đó tại thửa rừng số 4\* và 6\* các cây gỗ đã bị cắt hạ nằm dưới những cây bụi, nên không thấy cây gỗ. Còn 03 thửa rừng còn lại, trong đó có thửa rừng 2\*\*, tờ bản đồ số 02, Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã B năm 2009 đã trồng cây thông, cây Keo gần nhà của P đã được phép khai thác và đang khai thác, 02 thửa rừng 2\*\* và thửa 3\*\* tờ bản đồ số 3, Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã B năm 2009 không có cây gỗ tự nhiên, đã dọn thực bì và trồng Keo. Ngày 30/12/2021, tổ kiểm tra hồ sơ thực hiện dự án kiểm tra lại điều kiện về hồ trợ lãi xuất tín dụng theo Nghị quyết 08/2019/NQ-HĐND và Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND xác định nhà đầu tư Hà Văn P không đủ điều kiện để được hưởng hỗ trợ lãi xuất vốn vay tín dụng.

Ngày 23/12/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Văn Lãng tiến hành khám nghiệm hiện trường, tạm giữ 01 máy cưa của Hà Văn P; giao cho Ủy ban nhân dân xã B bảo quản 61,878m<sup>3</sup> gỗ và trưng cầu giám định viên tư pháp lĩnh vực lâm nghiệp, người giám định tư pháp Triệu Lương Hòa thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Lạng Sơn để đo đạc, giám định. Biên bản giám định hiện trường ngày 25/12/2021 và Kết luận giám định tư pháp ngày 18/01/2022 kết luận: Diện tích bị chặt, hủy hoại là 45.782,5m<sup>2</sup> thuộc các thửa đất số 4\* và thửa 6\*, khoảnh 3, tiểu khu 1\*\*, tờ bản đồ số 03, Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã B năm 2009, thuộc lô 3\* và 4\*, khoảnh 3, tiểu khu 1\*\*, Bản đồ hiện trạng rừng xã B năm 2020 thực tế là rừng sản xuất là rừng tự nhiên. Đối chiếu với bản đồ điều chỉnh quy hoạch lại 3 loại rừng theo quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn thì diện tích trên tại khoảnh 3, tiểu khu 1\*\* thuộc quy hoạch rừng sản xuất là rừng tự nhiên. Xác định khối lượng gỗ tại hiện trường (cây đã ngã) có đường kính từ 10 đến 28cm, chiều dài trung bình 8,0m đo tính khối lượng gỗ là 61,878m<sup>3</sup>.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTS ngày 15/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Văn Lãng xác định thiệt hại về tài sản là 23.142.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 53/CT-VKS ngày 18/7/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Hà Văn P ra trước Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn để xét xử bị cáo về tội “Hủy hoại rừng” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Hà Văn P đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã nêu. Bị cáo thấy việc làm của mình là sai, vi phạm pháp luật, tỏ ra ăn năn, hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa, vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Hà Văn P phạm tội “Hủy hoại rừng”. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243, Điều 50, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo mức án 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng, do bị cáo làm ruộng thu nhập thấp và sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Về bồi thường thiệt hại: Đại diện Ủy ban nhân dân huyện Văn Lãng không yêu cầu bồi thường, nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Về vật chứng của vụ án: Xét thấy 61,878m<sup>3</sup> gỗ đã mục không có giá trị, nên không đề nghị xem xét giải quyết; đối với chiếc cưa máy, là tang vật dùng vào việc phạm tội, tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi cấu thành tội phạm, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa, bị cáo Hà Văn P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo đã khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng; kết luận giám định tư pháp, kết luận định giá tài sản và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Theo đó, có căn cứ để xác định: Bị cáo Hà Văn P đã làm hợp đồng thuê 05 người gồm: Lý Văn N; Nông Văn C; Nông Văn Đ; Nông Văn H và Mông Văn H, để cắt dọn thửa rừng số 4\* và 6\* có làm hợp đồng chặt, phát dọn cây với anh Nông Văn C với tiền công là 9.500.000 đồng/1ha. Sau khi ký hợp đồng những người này đã tự mang dụng cụ là: 02 máy cưa và dao quắm cắt dọn cây và bụi cây ở 2/3 diện tích thửa rừng số 4\* và để lại một khoảnh đất rừng có nhiều cây tự nhiên to. Đến khi thửa số 6\* dọn cắt được

3/5 diện tích rừng, thì P phát hiện thấy những người được thuê có biểu hiện sử dụng chất ma túy, nên đã không tiếp tục thuê họ dọn cắt cây nữa, P giữ lại của những người đã thuê chặt cây 01 máy cưa, lý do P đã trả hết tiền công theo thỏa thuận, nhưng những người này chưa làm hết việc theo hợp đồng. Sau đó P đã nhờ Hà Thị V, Vi Thị N, Hoàng Thị S, Hứa Thị X, Hoàng Thị P, Lý Thị Đ, tiếp tục phát dọn thửa rừng số 6\*, P sử dụng máy cưa đang giữ của những người thuê dọn rừng cắt các cây gỗ tự nhiên, những người khác dùng dao để chặt các cây bụi khoảng 03 ngày, thì cắt dọn hết 2/5 diện tích đất rừng, theo Kết luận giám định tư pháp ngày 18/01/2022 kết luận: Diện tích rừng bị hủy hoại là 45.782,5m<sup>2</sup>, mục đích bị cáo chặt phát rừng để trồng cây Keo phát triển kinh tế. Bị cáo thuê người dọn rừng và bị cáo cưa chặt phá với tổng diện tích là 45.782,5m<sup>2</sup> đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên, khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép, thiệt hại về tài sản là 23.142.000 đồng. Do đó, có căn cứ kết luận, bị cáo đã có hành vi “Hủy hoại rừng”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 243 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Hủy hoại rừng” theo điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý, bảo vệ môi trường và phát triển rừng. Bị cáo nhận thức được hành vi hủy hoại rừng là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích muốn phát triển kinh tế, để mưu sinh cuộc sống, nên đã phạm tội. Để có mức án thỏa đáng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử đánh giá về nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[4] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Xác định bị cáo là người có nhân thân tốt.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ văn hóa thấp nhận thức pháp luật có phần bị hạn chế, bị cáo có tinh thần ủng hộ xây dựng nông thôn mới, khắc phục mưa bão năm 2022, có xác nhận của chính quyền địa phương, bị cáo đã trồng lại rừng để khắc phục hậu quả, là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 243 của Bộ luật Hình sự “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng”. Xét thấy bị cáo sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nghề nghiệp làm ruộng, thu nhập thấp. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Đối với ông Nông Văn C và anh Nông Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình điều tra ông C và anh Đ khai là 02 bố, con có ứng tiền công với Hà Văn P 4.000.000 đồng, nên đồng ý để lại chiếc máy cưa cho Hà Văn P để trừ nợ, anh Đ không có yêu cầu gì về chiếc máy cưa. Ông C và anh Đ đều xin vắng mặt,

Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Đối với những người làm thuê theo hợp đồng được bị cáo thuê phát rừng, chỉ là người làm thuê cho bị cáo, để lấy tiền công, không biết mục đích của chủ rừng là hủy hoại rừng để trồng cây Keo, nên không xem xét xử lý.

[10] Về bồi thường thiệt hại: Tại phiên tòa đại diện Ủy ban nhân dân huyện Văn Lãng, không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên trách nhiệm bồi thường không đặt ra xem xét giải quyết.

[11] Về vật chứng của vụ án: Đối với 61,878m<sup>3</sup> gỗ, đại diện Ủy ban nhân dân huyện Văn Lãng, không yêu cầu xử lý, do số gỗ là gỗ tạp chặt từ năm 2021, đường xá xa trung tâm, không có đường vận chuyển, chi phí công vận chuyển nhiều, nếu tịch thu để hóa giá không đủ tiền để trả công vận chuyển, nên không xem xét xử lý. Đối với chiếc máy cưa là của anh Nông Văn Đ, mà bị cáo giữ lại, do anh Nông Văn Đ còn nợ tiền công 4.000.000 đồng, quá trình điều tra anh Nông Văn Đ không yêu cầu bị cáo trả lại chiếc máy cưa, vì không có tiền trả lại cho bị cáo. Bị cáo đã sử dụng chiếc máy cưa vào việc phạm tội, nên tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước.

[12] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn về tội danh, mức hình phạt và xử lý vật chứng của vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Bị cáo bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[14] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 243; Điều 50; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 292; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hà Văn P phạm tội: Hủy hoại rừng.

2. Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Hà Văn P 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

3. Về bồi thường thiệt hại: Không xem xét giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu, hóa giá nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) máy cưa (động cơ chạy bằng xăng) nhãn hiệu BDK 6\*\*9, có màu thân máy màu đỏ, lưỡi cưa màu đen.

(Vật chứng trên đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/8/2022).

5. Về án phí: Buộc bị cáo Hà Văn P phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Lãng;
- CQ điều tra Công an huyện Văn Lãng;
- Bị cáo; Người có QL, NV liên quan đến vụ án;
- UBND huyện Văn Lãng;
- Chi cục THADS h. Văn Lãng, t. Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu VP- hồ sơ vụ án.

(đã ký)

**Triệu Thị Máy**